

KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG NGÔ NẾP LAI MỚI CỦA CÔNG TY ADI



Trần Thị Thanh Yên^{1*}, Lê Thanh Hải¹

¹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Nông nghiệp ADI

*Tác giả liên hệ: Thanhventran88@gmail.com

TÓM TẮT

Với mong muốn góp phần đa dạng hóa các giống ngô, tăng sự lựa chọn cho bà con nông dân, hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cho người tiêu dùng, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Nông nghiệp ADI (ADI) đã tiên phong trong việc tuyển chọn và khảo nghiệm các giống ngô lai mới chất lượng cao. Bộ sản phẩm ngô nếp lai đã được ADI tuyển chọn để sử dụng bao gồm bốn phân nhóm: ngô nếp trắng HANA 691, HANA 865; ngô nếp đường HANA 685; ngô nếp tím dẻo ngọt HANA 627, HANA 608; và giống ngô nếp vàng Yellow King. Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với ba lần nhắc lại ở tất cả các điểm khảo nghiệm sinh thái và thời vụ. Kết quả nghiên cứu cho thấy sáu giống đều có thời gian thu bắp tươi ngắn (62-70 ngày), thích nghi tốt, chống chịu với các bệnh hại phổ biến trên ngô và trồng được nhiều vụ trên năm, trên phạm vi cả nước. Giống HANA 691 có chiều dài bắp từ 17-19 cm, đường kính bắp 4,6-5,5 cm, 14-16 hàng hạt, năng suất bắp tươi cao, ổn định, đạt 13-15 tấn/ha. Giống HANA 865 có chiều dài bắp từ 17-20 cm, đường kính bắp 4,6-5,3 cm, 12-16 hàng hạt, tỷ lệ bắp loại 1 cao, trên 80%, năng suất bắp tươi đạt 14-16 tấn/ha. Giống HANA 685 có chiều dài bắp từ 17-20 cm, đường kính bắp 4,3-5,0 cm, 12-14 hàng hạt, tỷ lệ bắp loại 1 cao, khoảng 80-90%, năng suất bắp tươi bình quân đạt 13 – 15 tấn/ha. Giống HANA 608 có chiều dài bắp 17-20 cm, đường kính bắp 4,6-5,2 cm, số hàng hạt từ 12-14, tỷ lệ bắp loại 1 khá cao đạt 80-85%, năng suất cao và ổn định đạt 13-15 tấn/ha. Giống HANA 627 có chiều dài bắp 17-20 cm, đường kính bắp 4,5-5,2 cm, số hàng hạt từ 12-14, tỷ lệ bắp loại 1 khá cao đạt 80-85%, năng suất cao và ổn định đạt 13-16 tấn/ha. Giống Yellow King là giống ngô nếp màu vàng đầu tiên được khảo nghiệm tại Việt Nam, có bắp thon dài, lá bi bao kín đầu bắp, có tai lá, chiều dài bắp 17-20 cm, đường kính bắp từ 4,5 – 5,2 cm, số hàng hạt 12-16 hàng, tỷ lệ kết hạt khá cao, hàng hạt thẳng, đều, bóng, tỷ lệ bắp loại 1 khá, đạt khoảng 80%, năng suất khá cao và ổn định, đạt 13-14 tấn/ha. Giống HANA 627 được Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT công nhận sản xuất thử năm 2018. Giống HANA 865 và HANA 608 được công nhận sản xuất thử năm 2019. Giống HANA 691, HANA 685 được công nhận là giống cây trồng nông nghiệp mới năm 2019. Giống Yellow King đang được khảo nghiệm trong hệ thống khảo nghiệm Quốc gia.

Từ khóa: HANA 691, HANA 865; HANA 685; HANA 627, HANA 608; Yellow King

EVALUATION RESULTS OF SOME NEWLY IMPORTED WAXY CORN VARIETIES IN ADI COMPANY

Tran Thi Thanh Yen^{1*}, Le Thanh Hai¹

¹Agriculture Development and Trade Investment Joint Stock Company ADI (ADI)

*Corresponding author: Thanhventran88@gmail.com

ABSTRACT

With the desire to contribute to diversifying corn varieties, increasing choices for farmers, aiming to improve productivity and quality for consumers, Agriculture Development and Trade Investment Joint Stock Company ADI (ADI) has pioneered the selection and testing of new high

quality maize hybrids. The set of hybrid sticky corn products selected by ADI for use includes four subgroups: white glutinous corn HANA 691 and HANA 865; sugar glutinous corn HANA 685; sweet purple sticky corn HANA 627 and HANA 608; yellow sticky corn Yellow King. The experiment was arranged in fully randomized block design with three replicates at all ecological and seasonal testing sites. The result showed that, all six varieties have a short harvest time (62-70 days), well adapted, resistant to common corn diseases, and can grow many cropping seasons per year, nationwide. HANA 691 has corn length 17-19 cm, cob diameter 4.6-5.5 cm, 14-16 kernel rows/ear, high and stable marketable yield, reaching 13-15 tons/ha. HANA 865 has a corn length of 17-20 cm, a corn diameter of 4.6-5.3 cm, 12-16 kernel rows/ear, a high marketable ear with more than 80% and marketable yield reached 14-16 tons/ha. HANA 685 had ear length ranged 17-20 cm, a corn diameter of 4.3-5.0 cm, 12-14 kernel rows/ear, a high percentage marketable ear, about 80-90%, average marketable yield varied 13-15 tons/ha. HANA 608 has 17-20 cm ear length, a corn diameter of 4.6-5.2 cm, kernel rows per ear from 12-14, 80-85% marketable cob, high and stable marketable yield, reach 13-15 tons/ha. HANA 627 has a corn length of 17-20 cm, a corn diameter of 4.5-5.2 cm, the kernel rows/ear from 12-14, 80-85% in marketable cob, high and stable marketable yield, reach 13-16 tons/ha. Yellow King is the first yellow waxy corn variety tested in Vietnam, has long corn ear, husk leaves covering at the top of the ear, with leaf ears extension, corn length 17-20 cm, corn diameter from 4.5-5.2 cm, kernel rows/ear reached 12-16, the marketable yield reaching 13-14 tons/ha. The variety HANA 627 was recognized for trial production by the Department of Crop Production, Ministry of Agriculture and Rural Development in 2018. The varieties HANA 865 and HANA 608 were recognized for trial production in 2019. The varieties HANA 691 and HANA 685 were recognized as new agricultural plant varieties in 2019. Yellow King variety is being tested in the National Testing System.

Keywords: HANA 691, HANA 865; HANA 685; HANA 627, HANA 608; Yellow King

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngô từ lâu đã là một mặt hàng nông sản có diện tích gieo trồng hàng năm lớn thứ 2 tại Việt Nam. Trong những năm gần đây, diện tích cây ngô nói chung trên cả nước đang có xu hướng giảm, tuy nhiên diện tích trồng ngô nếp không ngừng gia tăng (Tổng Cục Thống Kê, 2021). Nguyên nhân chủ yếu là do ngô nếp có lợi thế là cây ngắn ngày, kỹ thuật trồng, chăm sóc đơn giản, đầu tư ít, thị trường tiêu thụ mạnh và cho hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời, cây ngô nếp cũng thích ứng được với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Sản xuất ngô nếp đang được đánh giá là một ngành sản xuất có nhiều triển vọng vì nhu cầu ngô nếp đang tăng nhanh ở quy mô toàn cầu.

Thời gian gần đây, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có chỉ đạo chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả, khó tưới sang trồng ngô (Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2020). Chính sách khuyến khích, hỗ trợ của Nhà nước trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng sẽ là cơ hội thúc đẩy phát triển và mở rộng sản xuất ngô ở Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức lớn, đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng suất chất lượng giống, ứng dụng cơ giới hóa, tưới tiêu để nâng tổng sản lượng ngô. Việc sử dụng các giống ngô cho năng suất cao, chất lượng tốt được xem là giải pháp thích hợp và hiệu quả nhất.

Tại Việt Nam, một số giống ngô nếp được gieo trồng phổ biến là giống ngô nếp Nếp Nù, MX 10, Milky 36, và 1 số giống ngô mới ... sau nhiều năm đưa ra sản xuất, mức độ chống chịu với các loại sâu bệnh hại của các giống này đang có xu hướng giảm; năng suất và chất lượng giống chưa được cải thiện trong khi giá hạt giống cao (250.000 – 300.000 đồng/kg) gây khó khăn cho việc lựa chọn cơ cấu giống để đầu tư thâm canh, mở rộng diện tích cây trồng.

Xuất phát từ thực tế trên, Công ty TNHH Hạt giống HANA thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và phát triển nông nghiệp ADI là công ty kinh doanh và nghiên cứu khoa học công

nghe đã tiến hành nhập khẩu, khảo nghiệm và công nhận lưu hành bộ sản phẩm ngô nếp lai tại Việt Nam nhằm mục đích chọn lọc và phát triển đa dạng các giống ngô có nhiều đặc điểm nông học tốt, nhiễm nhẹ sâu bệnh hại, có khả năng chống chịu tốt với điều kiện bất thuận, năng suất cao và chất lượng tốt. Bộ sản phẩm ngô nếp lai toàn diện bao gồm nhiều phân nhóm: ngô nếp trắng gồm có HANA 691, HANA 865; ngô nếp đường gồm có HANA 685; ngô nếp tím dẻo ngọt gồm có HANA 627, HANA 608; và ngô nếp vàng Yellow King.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Bảng 1. Các giống ngô lai thí nghiệm

TT	Tên	Phân loại	Nguồn gốc	Năm công nhận sản xuất thử (giống mới)
1	HANA 691	Ngô nếp trắng	Nhập nội từ Trung Quốc	(2019)
2	HANA 865	Ngô nếp trắng	Nhập nội từ Trung Quốc	2019
3	HANA 685	Ngô nếp đường	Nhập nội từ Trung Quốc	(2019)
4	HANA 608	Ngô nếp tím dẻo ngọt	Nhập nội từ Trung Quốc	2019
5	HANA 627	Ngô nếp tím dẻo ngọt	Nhập nội từ Trung Quốc	2018
6	Yellow King	Ngô nếp vàng	Nhập nội từ Trung Quốc	Đang khảo nghiệm

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thí nghiệm đồng ruộng được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầu đủ với 3 lần nhắc lại trên tất cả các địa điểm và thời vụ trồng. Khảo nghiệm VCU thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng giống ngô QCVN01-56:2011/BNNPTNT (Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, 2011a). Khảo nghiệm DUS thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng giống ngô QCVN01-66:2011/BNNPTNT (Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, 2011b). Đánh giá vùng sinh thái (khảo nghiệm sản xuất) diện tích mỗi điểm ít nhất 1000m², áp dụng quy trình sản xuất ngô thương phẩm tiên tiến nhất của địa phương nơi khảo nghiệm.

Các chỉ tiêu nghiên cứu bao gồm thời gian thu bắp tươi, chiều cao cây, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận đồng ruộng, năng suất bắp tươi, các yếu tố cấu thành năng suất và các chỉ tiêu chất lượng bao gồm độ ngọt, độ dẻo, hương thơm, vị đậm, màu sắc bắp luộc. Thời gian sinh trưởng được quan sát toàn bộ quần thể ở mỗi ô, xác định khi có trên 85% số bắp ở giai đoạn chín sữa. Năng suất bắp tươi (tấn/ha) ở giai đoạn chín sữa tiến hành thu 4 hàng, bóc toàn bộ lá bi, cân khối lượng bắp tươi của toàn ô không có lá bi. Tỷ lệ bắp loại 1 (%) được đánh giá toàn bộ số bắp ở 2 hàng giữa của mỗi ô, tính tỷ lệ % bắp loại 1 ở giai đoạn chín sữa. Bắp loại 1 ngô nếp yêu cầu: trạng thái bắp tươi nguyên, chiều dài bắp từ > 15 cm; đường kính bắp > 4,0 cm, bắp kín hạt, không sâu bệnh.

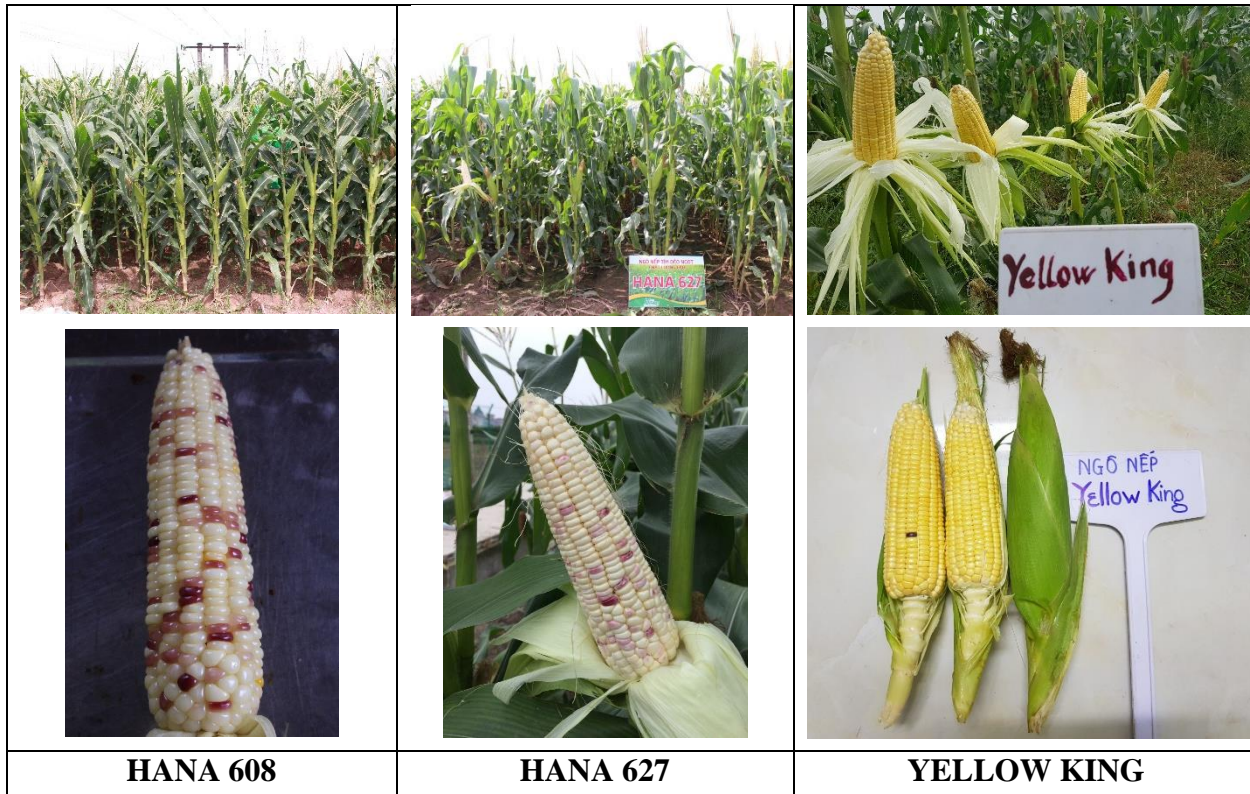
2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được tổng hợp từ các báo cáo khảo nghiệm sản xuất ở các địa điểm và thời vụ bằng phần mềm Excel. Phân tích bằng phương pháp phân tích phương sai ANOVA trên phần mềm Cropstat 7.2 (IRRI).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các giống ngô khảo nghiệm của ADI đều có ít nhất 2 vụ khảo nghiệm diện hẹp năng suất cao hơn giống đối chứng ở mức ý nghĩa thống kê $P \leq 0,05$ tại tối thiểu 50% số địa điểm trong vụ khảo nghiệm; các vụ còn lại năng suất trung bình không thấp hơn giống đối chứng. Các vụ khảo nghiệm diện rộng năng suất trung bình của các địa điểm khảo nghiệm cao hơn giống đối chứng ít

nhất 10 %; Chỉ tiêu chất lượng thử nếm (độ dẻo, hương thơm, vị đậm) tối thiểu tương đương giống đối chứng (Hình 1).



Hình 1. Kiểu hình cây và bắp của các giống ngô khảo nghiệm

Bảng 2. Đặc điểm sinh trưởng của các giống ngô thực phẩm khảo nghiệm

Vùng sinh thái	Chỉ tiêu	HANA 691	HANA 865	HANA 685	HANA 627	HANA 608	Yellow King	Đối chứng
<i>Vụ Xuân</i>								
1. Trung du miền núi phía Bắc	TGST	68	70	72	72	70	68	71
	CCC	188	200	210	210	180	195	205
2. Đồng bằng sông Hồng	TGST	68	70	71	72	69	68	70
	CCC	190	184	208	209	200	200	210
3. Bắc Trung bộ	TGST	67	68	70	70	67	67	68
	CCC	185	195	200	205	194	198	190
4. Duyên hải Nam Trung bộ	TGST	65	68	68	69	66	66	68
	CCC	180	180	205	207	189	195	190
5. Tây Nguyên	TGST	66	68	67	68	66	66	67
	CCC	190	185	205	202	198	189	189
6. Đông Nam bộ	TGST	65	67	67	68	65	65	67
	CCC	190	195	210	208	200	195	185
7. Đồng bằng sông Cửu Long	TGST	65	67	68	68	66	65	66
	CCC	187	198	207	210	200	198	188
<i>Vụ Hè Thu</i>								
4. Duyên hải Nam Trung bộ	TGST	64	-	66	66	65	65	65
	CCC	180	-	200	198	180	180	190
5. Tây Nguyên	TGST	65	-	65	67	65	66	66
	CCC	182	-	190	190	182	185	185
6. Đông Nam bộ	TGST	64	-	66	66	65	64	66
	CCC	185	-	195	195	187	185	193
7. Đồng bằng sông Cửu Long	TGST	64	-	66	66	65	62	65
	CCC	186	-	185	200	178	184	187
<i>Vụ Đông</i>								
1. Trung du miền núi phía Bắc	TGST	67	68	68	67	65	65	65
	CCC	187	185	209	210	190	190	190
2. Đồng bằng sông Hồng	TGST	66	67	68	67	65	65	65
	CCC	183	190	205	210	185	195	198
3. Bắc Trung bộ	TGST	65	65	66	66	65	64	65
	CCC	178	182	210	208	185	192	210
4. Duyên hải Nam Trung bộ	TGST	64	65	65	66	65	63	66
	CCC	179	180	208	203	189	200	200
5. Tây Nguyên	TGST	67	68	67	67	66	65	65
	CCC	188	186	200	210	186	200	192
6. Đông Nam bộ	TGST	65	65	66	66	66	64	64
	CCC	190	187	201	205	190	192	189
7. Đồng bằng sông Cửu Long	TGST	65	65	66	66	65	63	65
	CCC	186	190	203	207	185	194	195

Ghi chú: Giống đối chứng theo từng địa phương. Vùng 1,2,3 dùng giống HN 88. Vùng 4,5,6,7 dùng giống MX10. TGST: Thời gian sinh trưởng (ngày); CCC: Chiều cao cây (cm).

Bảng 3. Khả năng chống chịu đồng ruộng của các giống ngô thực phẩm khảo nghiệm trên các vùng sinh thái khác nhau

Vùng sinh thái	Chỉ tiêu	HANA 691	HANA 865	HANA 685	HANA 627	HAN A 608	Yellow King	Đối chứng
1. Trung du miền núi phía Bắc	Bệnh KV	1	1	1	1	1	1	1
	Bệnh ĐLL	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Bệnh gỉ sắt	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Sâu ĐT	1	1	1-2	1-2	1-2	1	1-2
	Đồ ngã (%)	0	0	0-5	0-5	0	0	0-5
2. Đồng bằng sông Hồng	Bệnh KV	1	1	1	1	1	1	1
	Bệnh ĐLL	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Bệnh gỉ sắt	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Sâu ĐT	1	1	1-2	1-2	1-2	1	1-2
	Đồ ngã (%)	0	0	0	0	0	0	0
3. Bắc Trung bộ	Bệnh KV	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
	Bệnh ĐLL	0-1	0-1	0-1	0-1	1-2	0-1	1-2
	Bệnh gỉ sắt	1-2	0-1	1-2	0-2	1-2	0-2	1-2
	Sâu ĐT	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2	1-2
	Đồ ngã (%)	0	0	0-5	0-5	0	0	0-5
4. Duyên hải Nam Trung bộ	Bệnh KV	1	1	1	1	1	1	1
	Bệnh ĐLL	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Bệnh gỉ sắt	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Sâu ĐT	1	1	1	1	1	1	1-2
	Đồ ngã (%)	0	0	0-5	0-5	0	0	5-10
5. Tây Nguyên	Bệnh KV	1	1	1	1	1	1	1
	Bệnh ĐLL	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Bệnh gỉ sắt	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Sâu ĐT	1	1	1	1	1	1	1-2
	Đồ ngã (%)	0	0	0-5	0-5	0	0	5-10
6. Đông Nam bộ	Bệnh KV	1	1	1	1	1	1	1
	Bệnh ĐLL	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1-2
	Bệnh gỉ sắt	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Sâu ĐT	1	1	1	1	1	1	1-2
	Đồ ngã (%)	0	0	0	0	0	0	0-5
7. Đồng bằng sông Cửu Long	Bệnh KV	1	1	1	1	1	1	1
	Bệnh ĐLL	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1-2
	Bệnh gỉ sắt	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	0-1	1
	Sâu ĐT	1	1	1	1	1	1	1-2
	Đồ ngã (%)	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Giống đối chứng theo từng địa phương. Vùng 1,2,3 dùng giống HN 88. Vùng 4,5,6,7 dùng giống MX10. Cho điểm theo Quy chuẩn QCVN01-56:2011/BNNPTNT

Bảng 4. Năng suất bắp tươi của các giống ngô thực phẩm khảo nghiệm*Đơn vị tính: tấn/ha*

Vùng sinh thái	HANA 691	HANA 865	HANA 685	HANA 627	HANA 608	Yellow King	Đối chứng
<i>Vụ Xuân</i>							
1. Trung du miền núi phía Bắc	14,6	16,1	15,3	15,5	14,3	14,2	14,2
2. Đồng bằng sông Hồng	15,1	16,4	15,0	16,0	15,4	14,3	14,8
3. Bắc Trung bộ	14,7	15,9	15,1	15,2	14,6	14,0	14,2
4. Duyên hải Nam Trung bộ	14,2	16,1	15,2	15,1	14,9	14,3	13,1
5. Tây Nguyên	14,9	16,2	14,9	14,9	15,0	14,2	11,6
6. Đông Nam bộ	15,2	15,8	15,2	16,2	15,2	14,0	12,8
7. Đồng bằng sông Cửu Long	15,1	15,9	14,8	16,0	14,8	14,4	13,5
<i>Vụ Hè Thu</i>							
1. Trung du miền núi phía Bắc	13,0	-	14,0	13,2	14,0	13,8	13,0
2. Đồng bằng sông Hồng	15,2	-	13,8	14,9	14,4	14,7	14,3
3. Bắc Trung bộ	13,7	-	13,6	13,8	14,7	14,3	13,6
4. Duyên hải Nam Trung bộ	13,9	-	13,2	14,3	13,6	14,2	11,0
5. Tây Nguyên	14,0	-	14,0	13,4	15,0	13,5	11,3
6. Đông Nam bộ	15,0	-	14,3	14,5	14,7	15,0	12,0
7. Đồng bằng sông Cửu Long	14,0	-	14,5	14,8	14,8	15,3	11,8
<i>Vụ Đông</i>							
1. Trung du miền núi phía Bắc	15,0	16,4	14,2	15,0	15,0	14,4	14,3
2. Đồng bằng sông Hồng	15,1	16,0	14,7	15,2	14,2	13,8	14,2
3. Bắc Trung bộ	14,3	15,2	13,9	15,3	13,9	14,0	14,4
4. Duyên hải Nam Trung bộ	14,9	16,0	14,3	15,4	14,0	13,9	10,3
5. Tây Nguyên	14,2	15,8	14,2	14,8	15,0	13,2	11,1
6. Đông Nam bộ	15,0	15,9	14,0	14,3	13,9	14,2	10,8
7. Đồng bằng sông Cửu Long	14,4	15,4	15,0	15,0	14,8	14,0	11,0

Ghi chú: Giống đối chứng theo từng địa phương. Vùng 1,2,3 dùng giống HN 88. Vùng 4,5,6,7 dùng giống MX10.

Bảng 5. Kết quả đánh giá chất lượng ăn tươi của các giống ngô thực phẩm khảo nghiệm

Chỉ tiêu (điểm)	HANA 691	HANA 865	HANA 685	HANA 627	HANA 608	Yellow King	MX10
Độ ngọt (điểm)	2,1	2,0	1,6	1,5	1,7	1,7	2,3
Độ dẻo (điểm)	2,0	2,0	2,2	2,2	2,0	1,8	2,0
Hương thơm (điểm)	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	1,9	2,0
Vị đậm (điểm)	2,0	2,0	1,9	1,9	1,9	1,9	2,2
Màu sắc bắp luộc	Trắng đục	Trắng đục	Trắng đục	Trắng tím	Trắng tím	Vàng	TĐ
Đánh giá chung	Khá tốt	Khá tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Khá tốt

Ghi chú: Cho điểm theo Quy chuẩn QCVN01-56:2011/BNNPTNT

Như vậy, kết quả đánh giá sinh trưởng (Bảng 2), khả năng chống chịu đồng ruộng (bảng 3), năng suất bắp tươi (Bảng 4) và chất lượng thử nếm (Bảng 5) cho thấy:

3.1. Nhóm ngô nếp trắng

A. Ngô nếp lai HANA 691

Giống ngô nếp lai HANA 691 có khả năng thích ứng tốt, thời gian từ gieo đến thu hoạch bắp tươi khoảng 64 – 68 ngày, chiều cao cây 170-190 cm, kiểu hình cây chắc chắn, bộ lá xanh, rễ khỏe, cứng cây, nhiễm nhẹ các loại sâu bệnh hại chính như sâu đục thân, đóm lá, gỉ sắt; chất lượng ăn tươi ngon, dẻo, vị đậm. Bắp trụ, vỏ bắp màu xanh, lá bi bao kín đầu bắp, hàng hạt thẳng, hạt bóng. Chiều dài bắp từ 17-19 cm, đường kính bắp 4,6-5,5 cm, 14-16 hàng hạt. Năng suất bắp tươi cao, ổn định, đạt 13-15 tấn/ha. Giống ngô nếp lai HANA 691 có thể gieo trồng quanh năm, theo cơ cấu mùa vụ tại các địa phương. Giống được công nhận là giống cây trồng nông nghiệp mới năm 2019.

B. Ngô nếp lai HANA 865

Giống ngô nếp lai HANA 865 là giống ngô nếp năng suất cao, thời gian từ gieo đến thu hoạch bắp tươi khoảng 65 – 70 ngày. Giống có chiều cao cây dao động 170-200 cm, đống bắp thấp 55-65 cm. Giống HANA 865 có kiểu hình cây chắc chắn, bộ lá xanh bền đến khi thu hoạch, rễ khỏe, cứng cây. Bắp hình trụ dài, vỏ bắp màu xanh, lá bi bao kín đầu bắp, có tai lá, hàng hạt thẳng, hạt bóng. Chiều dài bắp từ 17-20 cm, đường kính bắp 4,6-5,3 cm, 12-16 hàng hạt. Tỷ lệ bắp loại 1 cao, trên 80%. Năng suất bắp tươi cao, ổn định, đạt 14-16 tấn/ha. Chất lượng ăn tươi ngon, dẻo, vị đậm. Giống nhiễm nhẹ các loại sâu bệnh hại chính như sâu đục thân, đóm lá, gỉ sắt. Giống ngô nếp lai HANA 865 thích hợp với vụ Xuân và Đông, theo cơ cấu mùa vụ tại các địa phương. Giống ngô nếp lai HANA 865 được Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT công nhận sản xuất thử năm 2019.

3.2. Nhóm ngô nếp đường HANA 685

HANA 685 là giống ngô nếp lai thế hệ mới, có sự tích hợp của cả hạt ngô nếp màu trắng đục và hạt ngô đường màu trắng trong (chiếm tỷ lệ khoảng 25%) trên cùng 1 bắp ngô, chính vì vậy chất lượng ăn tươi ngon, vừa có sự mềm dẻo của hạt ngô nếp và độ giòn ngọt của hạt ngô đường, vị đậm và mùi thơm dịu. Giống ngô HANA 685 có thời gian từ gieo đến thu hoạch bắp tươi khoảng 65 - 75 ngày tùy vùng và mùa vụ; giống có chiều cao cây dao động 180-210 cm, đống bắp trung bình 70-75 cm. Bắp thon dài, vỏ bắp màu xanh, lá bi bao kín đầu bắp, có tai lá, hàng hạt thẳng, hạt bóng. Chiều dài bắp từ 17-20 cm, đường kính bắp 4,3-5,0 cm, 12-14 hàng hạt. Tỷ lệ bắp loại 1 cao,

khoảng 80-90%, năng suất bắp tươi bình quân đạt 13 - 15 tấn/ha. Giống nhiễm nhẹ bệnh gỉ sắt, đốm lá lớn, đốm lá nhỏ, khô vằn; HANA 685 có cây cứng, rễ chân kiềng nhiều, khỏe, ít đổ ngã. Giống trồng được nhiều vụ trên năm, trên phạm vi cả nước. Giống được công nhận là giống cây trồng nông nghiệp mới năm 2019.

3.3. Nhóm ngô nếp tím dẻo ngọt

A. Ngô nếp tím dẻo ngọt HANA 608

Giống HANA 608 thuộc nhóm ngô nếp dinh dưỡng. Trên cùng 1 bắp ngô có hạt ngô nếp màu trắng, xen kẽ hạt ngô màu tím, đỏ và hạt ngô đường màu trắng trong (tỷ lệ khoảng 20-25%) chính vì vậy chất lượng ăn tươi ngon, vừa có sự mềm dẻo của hạt ngô nếp và độ giòn ngọt của hạt ngô đường và có cả hàm lượng chất Anthocyan có lợi cho sức khỏe. Giống có thời gian từ gieo đến thu hoạch bắp tươi khoảng 65-70 ngày. Chiều cao cây trung bình của giống khoảng 170 – 200 cm, đóng bắp thấp, thân cây to, cứng cây, rễ chân kiềng chắc, khỏe, hạn chế đổ ngã. Bắp thon, dài, có tai lá đẹp. Chiều dài bắp 17-20 cm, đường kính bắp 4,6-5,2 cm, số hàng hạt từ 12-14. Giống có tỷ lệ bắp loại 1 khá cao đạt 80-85%, năng suất cao và ổn định đạt 13-15 tấn/ha. HANA 608 nhiễm nhẹ một số loại sâu bệnh hại chính như rệp cờ, sâu đục thân, đốm lá. Giống trồng được nhiều vụ trên năm, trên phạm vi cả nước. Giống ngô nếp lai HANA 608 được Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT công nhận sản xuất thử năm 2019.

B. Ngô nếp tím dẻo ngọt HANA 627

Giống HANA 627 thuộc nhóm ngô nếp dinh dưỡng. Trên cùng 1 bắp ngô có hạt ngô nếp màu trắng, xen kẽ hạt ngô màu tím và hạt ngô đường màu trắng trong (tỷ lệ khoảng 25%) chính vì vậy chất lượng ăn tươi ngon, vừa có sự mềm dẻo của hạt ngô nếp và độ giòn ngọt của hạt ngô đường và có cả hàm lượng chất Anthocyan có lợi cho sức khỏe. Giống có thời gian từ gieo đến thu hoạch bắp tươi khoảng 65-72 ngày. Giống có chiều cao cây trung bình 180 – 210 cm, đóng bắp trung bình, cứng cây, rễ chân kiềng chắc, khỏe, hạn chế đổ ngã. Bắp thon, dài, có tai lá đẹp, lá bi bao kín đầu bắp. Chiều dài bắp 17-20 cm, đường kính bắp 4,5-5,2 cm, số hàng hạt từ 12-14. Giống có tỷ lệ bắp loại 1 khá cao đạt 80-85%, năng suất cao và ổn định đạt 13-16 tấn/ha. HANA 627 nhiễm nhẹ một số loại sâu bệnh hại chính như rệp cờ, sâu đục thân, khô vằn, gỉ sắt, đốm lá. Giống trồng được nhiều vụ trên năm, trên phạm vi cả nước. Giống ngô nếp lai HANA 627 được Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT công nhận sản xuất thử năm 2018.

3.4. Ngô nếp vàng YELLOW KING

Ngô nếp vàng YELLOW KING là ngô nếp lai thế hệ mới. Giống có hạt ngô nếp màu vàng đậm đỏ, là giống ngô nếp màu vàng đầu tiên khảo nghiệm tại Việt Nam. Giống có chất lượng ăn tươi thơm ngon, dẻo, ngọt và đậm vị. Giống có thời gian sinh trưởng ngắn khoảng 62-68 ngày. Chiều cao cây 170-200 cm, đóng bắp thấp 55-60 cm, cứng cây, ít đổ ngã. Bắp thon dài, lá bi bao kín đầu bắp, có tai lá, chiều dài bắp 17-20 cm, đường kính bắp từ 4,5 – 5,2 cm, số hàng hạt 12-16 hàng, tỷ lệ kết hạt khá cao, hàng hạt thẳng, đều, bóng. Giống có tỷ lệ bắp loại 1 khá, đạt khoảng 80%, năng suất khá cao và ổn định, đạt 13-14 tấn/ha. Giống dễ canh tác, phù hợp với vụ Xuân và vụ Đông, theo thời vụ các địa phương. Giống ngô nếp lai Yellow King đang được khảo nghiệm trong hệ thống khảo nghiệm Quốc gia.

4. KẾT LUẬN

Với bộ sản phẩm ngô nếp kể trên, công ty chúng tôi mong muốn góp phần đa dạng hóa các giống ngô, tăng sự lựa chọn cho bà con nông dân, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm cho người tiêu dùng. Các giống ngô khảo nghiệm của ADI đều có ít nhất 2 vụ khảo nghiệm diện hẹp năng suất cao hơn giống đối chứng ở mức ý nghĩa thống kê ($p=\alpha$) $\leq 0,05$ tại tối thiểu 50% số địa điểm trong vụ khảo nghiệm; các vụ còn lại năng suất trung bình không thấp hơn giống đối chứng. Các vụ khảo nghiệm diện rộng năng suất trung bình của các địa điểm khảo nghiệm cao hơn

giống đối chứng ít nhất 10 %; Chỉ tiêu chất lượng thử nếm (độ dẻo, hương thơm, vị đậm) tối thiểu tương đương giống đối chứng.

Giống HANA 627 được Cục Trồng trọt – Bộ NN&PTNT công nhận sản xuất thử năm 2018. Giống HANA 865 và HANA 608 được công nhận sản xuất thử năm 2019. Giống HANA 691 và HANA 685 được công nhận là giống cây trồng nông nghiệp mới năm 2019. Giống Yellow King đang được khảo nghiệm trong hệ thống khảo nghiệm Quốc gia. Như vậy, các giống ngô khảo nghiệm bởi công ty ADI đã thể hiện nhiều đặc điểm tốt, phù hợp với tiêu chí chọn tạo của công ty, phù hợp với điều kiện canh tác, khí hậu của các địa phương. Các giống ngô cho năng suất cao, chất lượng tốt, được bà con gieo trồng chấp nhận và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống ngô nếp của công ty CPĐTTM&PTNN ADI từ năm 2014 đến 2021.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2011a). QCVN01-56:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ngô.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2011b). QCVN01-66:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống ngô.

Tổng cục Thống kê (2021). <https://www.gso.gov.vn/nong-lam-nghiep-va-thuy-san/> [Online]. Retrieved from on 20 tháng 08 năm 2021.